TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 18 - 04 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân

Ông Lê Xuân Nghiêm

***Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1983 tại Thôn *, xã B, huyện A, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn *, xã B, huyện A, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị B; có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lương Khánh Q, sinh năm: 1980; trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Đoàn Tiến T, sinh năm 1975; trú tại: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; trú tại: Thôn *, xã B, huyện A, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S có quan hệ tình cảm với chị Lưu Thị L sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã H, huyện H nên S đến ở cùng chị L từ năm 2013 và quen biết anh Lương Khánh Q sinh năm 1980 trú tại thôn P, xã H, huyện H là anh em với chị L.

Khoảng 17 giờ ngày 12/11/2017, S đến gặp anh Q mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD Biển kiểm soát 12H1 – 178.96 của anh Q để đi mua thức ăn, do tin tưởng nên anh Q đồng ý cho S mượn xe. Sau khi mượn được xe, S điều khiển xe đi ra thôn N, xã H, huyện H để mua thức ăn nhưng quán đã hết nên không mua được, S tiếp tục điều khiển xe mô tô đi ra thị trấn H, trên đường đi S đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Q để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sau khi nẩy sinh ý định chiếm đoạt, S đã điều khiển xe đi thẳng đến hiệu cầm đồ Tiến – Toản ở thôn N, xã S, huyện H do anh Đoàn Tiến T sinh năm 1975 làm chủ hiệu, cầm cố xe mô tô của anh Q cho anh T lấy 15.000.000đ rồi bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền này.

Anh Lương Khánh Q sau khi cho S mượn xe, đến tối không thấy S đem xe về trả đã liên lạc với S nhưng không được, đến ngày 15/11/2017 tiếp tục liên lạc nhưng không được và không thấy S đem xe về trả, anh Q đã đến Công an huyện Hữu Lũng trình báo sự việc.

Ngày 01/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã phát hiện thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD Biển kiểm soát 12H1 – 178.69 của anh Q tại hiệu cầm đồ Tiến – Toản.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Hữu Lũng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD Biển kiểm soát 12H1–178.69 của anh Lương Khánh Q bị S chiếm đoạt có giá trị là 25.000.000đ.

Đối với các đồ vật tài sản thu giữ đã làm rõ được liên quan đến việc phạm tội gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD BKS: 12H1-178.96;

- 01 đăng ký xe mô tô mang tên Lương Khánh Q số 003729 do Công an huyện Hữu Lũng cấp ngày 30/9/2015;

- 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 12/11/2017 giữa Đoàn Tiến T và Nguyễn Văn S.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Lead và đăng ký xe mô tô, ngày 13/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Q là chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Anh Lương Khánh Q là người bị hại đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 12H1-178.96 nên không có yêu cầu đề nghị phần dân sự.

Ngày 24/01/2018, Nguyễn Văn S ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B sinh năm 1962, trú tại thôn *, xã B, huyện A, thành phố H là bố đẻ của S đến trả số tiền 15.000.000đ cho anh Đoàn Tiến T, anh T không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Đoàn Tiến T, có giấy phép kinh doanh hiệu cầm đồ, khi nhận cầm cố xe mô tô với Nguyễn Văn S, không biết là xe do S phạm tội mà có nên không cấu thành tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có. Tuy nhiên, khi anh T nhận cầm cố xe mô tô với S mà không có giấy ủy quyền của anh Q là chủ tài sản đã vi phạm điểm e, khoản 2, Điều 11, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình. Ngày 13/3/2018, Công an huyện Hữu Lũng đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đoàn Tiến T.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thì bị cáo Nguyễn Văn S bị truy tố về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố Nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố Nguyễn Văn S về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1,2 Điều 46, điều 33, 45 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam.

- Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD và đăng ký xe mô tô, ngày 13/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Q là chủ sở hữu hợp pháp; Hợp đồng cầm đồ ngày 12/11/2017 giữa Đoàn Tiến T và Nguyễn Văn S hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án do vậy không đề cấp xem xét giải quyết.

- Về dân sự: Không đề cập xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và ăn năn, hối hận về hành vi của mình.

- Người bị hại: Anh Lương Khánh Q, sinh năm 1980; trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa ngày hôm nay anh mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đoàn Tiến T, sinh năm 1975; trú tại: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã nhận lại số tiền 15.000.000đ *(mười năm triệu đồng)* và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; trú tại: Thôn *, xã B, huyện A, thành phố H là bố đẻ của S xác nhận số tiền 15.000.000đ đã trả cho anh Đoàn Tiến T là để nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Khoảng 17 giờ ngày 12/11/2017, S đến gặp anh Q mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD Biển kiểm soát 12H1 – 178.96 của anh Q để đi mua thức ăn, do tin tưởng nên anh Q đồng ý cho S mượn xe. Sau khi mượn được xe, S điều khiển xe đi ra thôn N, xã H, huyện H để mua thức ăn nhưng quán đã hết nên không mua được, S tiếp tục điều khiển xe mô tô đi ra thị trấn H, trên đường đi S đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Q để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sau khi nẩy sinh ý định chiếm đoạt, S đã điều khiển xe đi thẳng đến hiệu cầm đồ Tiến – Toản ở thôn N, xã S, huyện H do anh Đoàn Tiến T sinh năm 1975 làm chủ hiệu, cầm cố xe mô tô của anh Q cho anh T lấy 15.000.000đ rồi bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền này.

Như vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn nhất định để bị cáo thấy sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời để cho bị cáo suy nghĩ về việc làm sai trái của mình và giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội và răn đe những ai có ý định phạm tội tương tự.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[2] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý hành chính.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ:

Tại phiên tòa ngày hôm nay và trong quá trình điều tra vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tác động bố đẻ là ông Nguyễn Văn B đến trả số tiền 15.000.000đ cho anh Đoàn Tiến T nhằm mục đích khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội do bị cáo gây ra do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội, khung hình phạt truy tố đối với bị cáo có mức hình phạt cao nhất là 03 năm tù do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản h, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 46 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Khánh Q là người bị hại đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 12H1-178.96; ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của S đến trả số tiền 15.000.000đ cho anh Đoàn Tiến T nên không có ai yêu cầu đề nghị phần dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD và đăng ký xe mô tô, ngày 13/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Q là chủ sở hữu hợp pháp; Hợp đồng cầm đồ ngày 12/11/2017 giữa Đoàn Tiến T và Nguyễn Văn S hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án do vậy không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không có tài sản riêng do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo theo quy định điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

2. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, 45 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt Nguyễn Văn S **06 (sáu)** tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, tạm giữ 18/01/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- CQ Điều tra CA huyện Hữu Lũng;
- CQ THAHS huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THA DS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo, bị hại, người có QLVNVLQ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Bình